TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tiền cước vận chuyển

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoài Thị Hà Khuyên

2. Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Hường - Thư ký Toà án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp kiện đòi tiền cước vận chuyển theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST- DS ngày 16 năm 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị X; địa chỉ: Khu Đ, phường T, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc C; địa chỉ: Số 39/160/208 Ngõ Đ, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:

Do quen biết tháng 11, 12 năm 2019 và các tháng 01, 02, 03/2020 ông Hoàng Ngọc C; địa chỉ: Số 39/160/208 Ngõ Đình, thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuê bà vận chuyển hàng hóa đi nhiều tỉnh phía bắc với tổng số cước là 204.200.000đồng (có bảng kê chi tiết các lần vận chuyển). Giữa bà và ông C thỏa thuận sẽ thanh toán tiền cước vận tải cho bà trong thời hạn 03 tháng từ khi bà hoàn thành vận chuyển hàng hóa đến nơi cho ông C.

Do tin tưởng nên bà và ông C chỉ giao kết bằng lời nói, không làm hợp đồng bằng văn bản. Nhưng hai bên có đối chiếu công nợ của từng tháng tính theo từng lần vận chuyển, ông C ghi tổng số tiền cước còn nợ và thời hạn trả nợ cho bà vào bảng kê cước tháng, giấy hẹn nợ cụ thể:

- Ngày 06/4/2020 ông C xác nhận bà chuyển hàng cho ông C:

+ Tháng 11/ 2019: 06 chuyến với số tiền 28.900.000đồng, ông C đã thanh toán 15.000.000đồng còn nợ số tiền 13.900.000đồng, hẹn tháng 10/4/2020 thanh toán.

+ Tháng 12/2019: 14 chuyến hàng còn nợ số tiền 83.700.000đồng, hẹn tháng 4/2020 thanh toán.

- Ngày 31/01/2022 ông C viết giấy hẹn nợ tiền của các tháng 01, 02 và tháng 3/2021 và cam kết tháng 3/2022 thanh toán nợ:

+ Tháng 01/2021: 10 chuyến số tiền 48.200.000đồng;

+ Tháng 02/2020: 14 chuyến số tiền 39.500.000đồng.

+ Tháng 03/2020: 01 chuyến 3.900.000đồng.

Tổng số tiền ông C nợ bà là 189.200.000 đồng. Tính từ ngày 06/4/2020 đến ngày 31/01/2022, ông C đã thanh toán cho bà số tiền 75.300.000đồng làm nhiều lần qua chuyển khoản và tiền mặt bà không nhớ chi tiết từng lần. Hiện ông C còn nợ bà số tiền 113.900.000đồng. Từ tháng 02/2022 cho đến nay bà nhiều lần đến nhà ông C tại thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương yêu cầu ông C thanh toán cho bà số tiền trên nhưng ông C không hợp tác, lẩn tránh không gặp bà, gọi điện không nghe máy.

Do vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Ngọc C phải thanh toán cho bà số tiền cước vận tải mà ông C còn nợ bà là 113.900.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 8/2022 theo mức lãi suất ngân hàng Nhà nước quy định cho đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Trong quá trình xét xử, bị đơn là ông Hoàng Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa và không có lời khai trình bày quan điểm. Tuy nhiên, tại bản kê cước tháng 11/2019 và giấy hẹn nợ ngày 31/01/2022 do bà Lê Thị X giao nộp cho Tòa án thể hiện: Ông C có xác nhận chốt công nợ, cam kết trả nợ cho bà Lê Thị X vào các bảng kê cước vận tải, giấy hẹn nợ như bà Xuân đã trình bày, với tổng số tiền còn nợ là 189.200.000đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Ngọc C phải trả 113.900.000đồng còn thiếu là có căn cứ. Căn cứ vào các điều 530, 531, 533, 535, 536 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc buộc ông Hoàng Ngọc C phải trả cho bà Lê Thị X số tiền 113.900.000đồng và khoản tiền lãi theo quy định. Về án phí: Ông Hoàng Ngọc C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại bà Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự tranh chấp kiện đòi tiền cước vận chuyển thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Hoàng Ngọc C có nơi cư trú: Thôn An Dương, xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, Hải Phòng theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Tại phiên tòa bà Lê Thị X và ông Hoàng Ngọc C vắng mặt, bà Xuân có đơn xin vắng mặt, ông Cường vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị X và ông Hoàng Ngọc C.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Xét yêu cầu đòi lại khoản tiền nợ gốc của bà Lê Thị X đối với ông Hoàng Ngọc C: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập Hội đồng xét xử xét thấy Quá trình giải quyết vụ án tranh chấp giữa bà Lê Thị X và ông Hoàng Ngọc C, Tòa án nhân dân huyện An Dương đã tiến hành gửi thông báo thụ lý, các thông báo khác cho ông C đề nghị ông C đến Tòa án trình bày quan điểm hoặc gửi quan điểm đến Tòa án về việc bà X khởi kiện. Tuy nhiên ông C không hợp tác, không có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của bà X. Căn cứ vào các chứng cứ do bà X cung cấp thể hiện ông Hoàng Ngọc C và bà Lê Thị X có quan hệ làm ăn, bà X vận chuyển hàng hóa đi các tỉnh cho ông C. Sau khi bà Xuân vận chuyển hàng xong giữa bà X và ông C đều có xác nhận việc thỏa thuận giữa hai bên thông qua các bảng kê cước tháng cụ thể từng chuyến hàng, số tiền cước của từng chuyến. Theo giấy hẹn nợ, bảng kê cước các tháng bà X cung cấp ông C đều xác nhận số tiền ông C còn nợ bà X cũng như cam kết thời hạn thanh toán nợ. Cụ thể: Tháng 11/2019: bà X vận chuyển cho ông C 06 chuyến hàng số tiền 28.900.000đồng, ông C đã thanh toán 15.000.000đồng còn nợ số tiền 13.900.000đồng, hẹn tháng 10/4/2020 thanh toán. Tháng 12/2019: 14 chuyến hàng số tiền 83.700.000đồng, hẹn tháng 4/2020 thanh toán. Ngày 31/01/2022 bà và ông C tiếp tục đối chiếu công nợ của tháng 01, 02, 3/2021 cam kết tháng 3/2022 thanh toán nợ: Tháng 01/2021: 10 chuyến số tiền 48.200.000đồng; tháng 02/2020: 14 chuyến số tiền 39.500.000đồng. Tháng

03/2020: 01chuyến 3.900.000đồng. Tổng số tiền ông C nợ bà X là 189.200.000đồng.

Theo bà X trình bày từ ngày 06/4/2020 đến ngày 31/01/2022 ông C đã thanh toán cho bà X số tiền 75.300.000đồng làm nhiều đợt qua chuyển khoản và tiền mặt, còn nợ số tiền chưa thanh toán 113.900.000đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy theo cam kết trả nợ của ông C cho bà X, ông C sẽ thanh toán khoản tiền cước các tháng 11,12/2019 vào tháng 4/2020; cước tháng 01,02,3/2021 từ tháng 03/2022 nếu sai ông C hoàn toàn chịu trách nhiệm. Do vậy, việc ông C không thanh toán cho bà X khoản tiền cước theo đúng cam kết là vi phạm thỏa thuận giữa hai bên nên cần buộc ông C phải hoàn trả cho bà X toàn bộ khoản tiền cước chưa thanh toán là 113.900.000đồng.

[4] Xét yêu cầu của bà X về khoản tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà X yêu cầu ông C phải thanh toán khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước quy định tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 cho đến ngày xét xử vụ án. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán để đảm bảo quyền lợi cho bà X căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự buộc ông C phải thanh toán cho bà X khoản tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm trên số tiền chưa thanh toán là 113.900.000đồng tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày Tòa án xét xử ngày 06/9/2023 là 401ngày tổng số tiền lãi (113.900.000đồng x 9% x 401 ngày): 365 ngày = 11.262.058đồng. Tổng số tiền ông Hoàng Ngọc C phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị X là 113.900.000đồng + 11.262.058đồng = 125.162.058đồng.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[5] Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của bà X được chấp nhận. Trả lại cho bà Lê Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều các điều 357, 530, 531, 533, 535, 536 của Bộ luật Dân sự; Điều 6; khoản 4, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X đối với ông Hoàng Ngọc C, buộc: Ông Hoàng Ngọc C phải hoàn trả cho bà Lê Thị X số tiền 125.162.058đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu một trăm sáu hai nghìn không trăm năm mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Hoàng Ngọc C phải nộp số tiền 6.258.102đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho bà Lê Thị X số tiền 3.815.650đồng tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu tiền số 0004413 ngày 26 tháng 12 năm 2022) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị X và ông Hoàng Ngọc C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS huyện An Dương;
- TAND T.P Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hương